

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/DS-PT
Ngày 20-4-2018
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Dương

Các Thẩm phán: Đỗ Đồng Chung và ông Nguyễn Xuân Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thị Kỳ là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Nguyễn Hữu Cần - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2017/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2017 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2017/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2018/QĐ-PT ngày 17-01-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2018/QĐ-PT ngày 30-3-2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị N; địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị N: Ông Phạm Văn M (Văn bản ủy quyền ngày 20-01-2016) - Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Trọng Hùng, Luật sư Văn phòng luật sư Công Tâm, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số 170/16B, đường Mai Hắc Đế, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phan N và bà Phạm Thị L; địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh Huy, Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Thanh Huy, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông; địa chỉ: Phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Văn G, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Đắk Nông; địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

4. Những người làm chứng:

4.1. Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Văn T và ông Phạm Văn V; địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

4.2. Ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Quý U, ông Điều N' Đ, bà Nguyễn Thị D, chị Đinh Thị N, anh Phạm Văn T, anh Phạm Văn M và anh Phạm Bá H; địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Ông Phạm Văn M là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20-10-2015 và quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị N trình bày: Năm 1993 gia đình ông Phạm Văn M từ tỉnh Hải Dương đến xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông lập nghiệp. Năm 1995 ông Phạm Văn M cùng anh trai là Phạm Văn V khai hoang diện tích đất tại Thôn 5, xã Đ. Năm 1998 ông Phạm Văn V được Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã Đ đồng ý cho khai hoang và có sơ đồ thửa đất kèm theo (nay thuộc Thôn 8, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông).

Ngày 10-10-2010, ông Phạm Văn V viết giấy tặng cho ông Phạm Văn M diện tích đất 1000m², trong đó chiều rộng 10m, chiều dài 100m. Ngày 10-10-2014, ông Phạm Văn V lấy lại 03m chiều rộng, chiều dài 100m, diện tích đất của ông Phạm Văn M còn lại là 700m². Đến năm 2015 anh Phan N là cháu rể của ông đã làm thủ tục và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) trên phần diện tích đất của ông là 339,8m² trong đó chiều rộng là 07m, chiều dài 57m. Do đó, ông Phạm Văn M khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức hủy GCNQSDĐ số: BX 965170 ngày 30-01-2015 của Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp cho anh Phan N và chị Phạm Thị L, đồng thời buộc anh Phan N, chị Phạm Thị L trả cho ông diện tích đất đã lấn chiếm 339,8m².

Bị đơn anh Phan N và chị Phạm Thị L trình bày: Ngày 26-3-2007 anh chị nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Minh V diện tích đất 339,8m² tọa lạc tại Thôn 8, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Ngày 23-12-2010, anh chị tiến hành đổ đất, san lấp mặt bằng có sự thỏa thuận giữa ông Phạm Văn V và ông Phạm Minh V. Năm 2015 anh Phan N, chị Phạm Thị L được cấp GCNQSDĐ và đã tiến hành dựng 01 ngôi nhà gỗ trên đất thì ông Phạm Văn M là chú ruột chị Phạm Thị L đến tranh chấp.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2017/DS-ST ngày 07-11-2017 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị N.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21-11-2017, ông Phạm Văn M kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày luận cứ: Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định “*Đơn đề nghị xin phép được khai hoang*” của ông Phạm Văn V lập ngày 15-6-1998 và “*Giấy cho đất*” lập ngày 10-10-2010 giữa ông Phạm Văn V và ông Phạm Văn M không có giá trị pháp lý là không đúng. Bởi lẽ, “*Đơn đề nghị xin phép được khai hoang*” đã được Ủy ban nhân dân xã xác nhận, việc vẽ thêm sơ đồ phía sau mà không có xác nhận không ảnh hưởng đến giá trị của đơn. Đối với “*Giấy cho đất*” do ông Phạm Văn V và ông Phạm Văn M là anh em nên khi viết giấy cho đất họ có thể để trống rồi bổ sung sau nội dung ngày cấp chứng minh nhân dân của ông Phạm Văn M không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của họ. Mặt khác, lời khai của anh Phan N và bà Nguyễn Thị T cũng có nhiều mâu thuẫn: Anh Phan N thì xác định nguồn gốc đất tranh chấp là do anh và chị Phạm Thị L nhận chuyển nhượng đất của bà Nguyễn Thị T từ năm 2007, nhưng việc chuyển nhượng không có giấy tờ hợp pháp làm căn cứ chứng minh. Bà Nguyễn Thị T cho rằng nguồn gốc đất chuyển nhượng cho anh Phan N là do bà khai hoang năm 1994, còn ông Nguyễn Văn T thì khai năm 1995 ông nhận chuyển nhượng diện tích đất trên của hộ đồng bào. Ngoài ra, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ anh Phan N căn cứ vào giấy sang nhượng đất giữa bà Nguyễn Thị T và anh Phan N là không có cơ sở pháp lý vì giấy sang nhượng được lập năm 2011 nhưng ngày cấp giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị T là năm 2012. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn M, sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn M.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày luận cứ: Ông Phạm Văn V căn cứ vào “*Đơn đề nghị xin phép được khai hoang*” lập ngày 15-6-1998 có xác nhận của ông Điều N’ Đ là Chủ tịch UBND xã Đ, có sơ đồ kèm theo. Tuy nhiên, nội dung Đơn khai hoang trên không thể hiện vị trí, tứ cận diện tích khai hoang. Mặt khác, tại thời điểm ký xác nhận theo kết quả điều tra, xác minh thì ông Điều N’ Đ đang bị kỷ luật việc lãnh đạo, điều hành công việc của UBND xã được giao ông Đoàn Xuân T là Phó Chủ tịch UBND xã Đ. Ngoài ra, trong đơn xin phép khai hoang có sơ đồ kèm theo là do ông Phạm Văn M tự vẽ thêm và không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Trong “*Giấy cho đất*” lập ngày 10-10-2010 giữa ông Phạm Văn V và ông Phạm Văn M có nội dung thể hiện: “*Ông Phạm Văn M, sinh năm 1963. CMND số: 245289411 do*

Công an Đắk Nông cấp ngày 05-12-2012” là có sự mâu thuẫn về thời gian giữa thời điểm viết giấy tặng cho và thời điểm cấp giấy chứng minh nhân dân. Như vậy, ông Phạm Văn M không có căn cứ để chứng minh diện tích đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Phạm Văn M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 15/2017/DS-ST ngày 07-11-2017 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu: Người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm đều tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 07-11-2017 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Căn cứ xác lập quyền sử dụng đất: Ông Phạm Văn M cho rằng diện tích đất tranh chấp là do ông cùng ông Phạm Văn V (anh trai ông Phạm Văn M) khai hoang từ năm 1998, có xác nhận của ông Điều N’Đ là Chủ tịch UBND xã Đ. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc với ông Đoàn Xuân T (bút lục số 117) nguyên là Phó Chủ tịch UBND xã Đ nhiệm kỳ 1994-1999 và kết quả xác minh tại UBND xã Đ thì từ tháng 02 năm 1998 đến tháng 8 năm 1998 do ông Điều N’Đ vi phạm các quy định về khai thác gỗ nên đã bị tạm đình chỉ chức vụ; việc lãnh đạo, điều hành các công việc của UBND xã Đ được giao cho ông Đoàn Xuân T là Phó Chủ tịch. Do đó, nội dung ký xác nhận trong “*Đơn đề nghị xin phép khai hoang*” ngày 15-6-1998 của ông Điều N’Đ không có giá trị pháp lý. Mặt khác, tại kết quả giám định số 93-GĐT/PC54 ngày 12-9-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông (bút lục số 134) thì nội dung “*Có sơ đồ*” kèm theo Đơn đề nghị của ông Phạm Văn V là do ông Phạm Văn V viết thêm, không cùng thời điểm với các nội dung đã viết trong đơn và không phải do một người viết ra. Như vậy, ông Phạm Văn V không có chứng cứ chứng minh về việc xác lập quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất đang tranh chấp. Do vậy, “*Giấy cho đất*” lập ngày 10-10-2010 giữa ông Phạm Văn V và ông Phạm Văn M không được pháp luật thừa nhận.

[2]. Kết quả xác minh về trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ cho anh Phan N và chị Phạm Thị L cũng như lời trình bày của người đại diện hợp pháp của UBND huyện T tại phiên tòa có căn cứ xác định việc cấp GCNQSDĐ cho anh Phan N và chị Phạm Thị L là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[3]. Xét luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông là có căn cứ. Như

vậy, luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 15/2017/DS-ST ngày 07-11-2017 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phạm Văn M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn M, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2017/DS-ST ngày 07-11-2017 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông. Áp dụng: Khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị N.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH1 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Phạm Văn M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số: 0000568 ngày 30-11-2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, THCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký và đóng dấu*)

Lương Đức Dương